

SỬ HỌC VIỆT NAM VỚI “NHỮNG TIẾP CẬN THỜI MỞ CỬA”*

Lê Hữu Phước

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*

TÓM TẮT

Bài viết điểm lại một số vấn đề phương pháp luận cần được quan tâm của sử học Việt Nam hiện nay; đồng thời giới thiệu một số luận điểm và ý kiến đáng chú ý của các tác giả ở Nga, Đức, Trung Quốc... liên quan đến lý luận sử học; nhằm cung cấp thông tin và cách tiếp cận khoa học, biện chứng, đa chiều đối với việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở bậc đại học.

Từ khóa: sử học mới, phương pháp luận, nhận thức lịch sử

*

Lịch sử phát triển của các nền văn hoá nhân loại (cả phương Đông lẫn phương Tây) đều gắn liền với hai yếu tố *truyền thống* và *đổi mới*. Có nhiều trường hợp truyền thống được đổi mới bằng sự phát triển nội tại, tự thân (do yếu tố nội sinh); nhưng phổ biến hơn, để truyền thống được đổi mới thường phải qua quá trình giao lưu, tiếp biến (có tác nhân ngoại sinh). Chính vì vậy, trong bối cảnh đất nước đang tăng tốc đẩy mạnh hội nhập quốc tế, vấn đề “mở cửa” của các khoa học – trong đó có sử học – là vấn đề cần được quan tâm thích đáng.

Bài viết này muốn đi sâu trình bày một số vấn đề phương pháp luận vừa có tính “muôn thuở”, lại vừa rất bức thiết của sử học Việt Nam hiện nay.

1. Vấn đề nhận thức lịch sử và chức năng của sử học

Từ xa xưa, các nhà sử học cổ đại đã khẳng định “lịch sử là thầy giáo của cuộc sống”, là “bó đuốc soi đường đi tới tương lai”, là “nhân chứng của các thời đại, ánh sáng của chân lý, đời sống

của kỷ ức, người báo tin của hiện tại”... Sử học, từ thuở ấy, đã được xem là khoa học có sứ mệnh thiêng liêng: “làm cho quá khứ sống trong hiện tại và tăng thêm sức mạnh cho hiện tại”. Tuy nhiên, đến những thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, không ít nhà sử học lại thấy rằng: “Khoa học lịch sử vốn có sứ mệnh dự đoán tương lai, lại không thể giải thích được ngay cả cái hiện tại. Chính vì thế mà nó mất đi vị thế của mình trong hệ thống giáo dục, trong hệ tư tưởng v.v...” [1: 8, 9].

Vì sao sử học lại đánh mất chức năng và vị thế của mình? Hãy đọc lại bài viết *Lịch sử, sự thật và sử học* của Giáo sư Hà Văn Tấn: Sử học muốn thực hiện được chức năng nhận thức quá khứ và chuẩn bị cho những khả năng dự báo, “khảo sát con đường đã qua và góp phần nhận thức con đường sắp tới” thì “một điều kiện cơ bản là phải biết sự thật và nói lên sự thật”. Cũng theo Hà Văn Tấn, nguyên nhân của việc xa rời sự thật, trước hết là do “sử liệu thiếu, sử liệu không được phê phán nghiêm túc”. Quan trọng hơn, “sự thật dễ bị

* Bài viết này sử dụng lại phạm trù “những tiếp cận thời mở cửa” đã được nêu trong tập chuyên đề *Sử học - những tiếp cận thời mở cửa* (do Viện Thông tin Khoa học xã hội thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia ấn hành năm 1998) để giới thiệu và bình luận một số luận điểm và ý kiến của các tác giả trong tập chuyên đề này.

che lấp hay xuyên tạc (...) là do việc giải thích và đánh giá sự kiện phụ thuộc nhiều vào mặt chủ quan của nhà sử học như nhận thức, quan điểm và nhân cách” [2: 12, 15]. Đến đây, một vấn đề cốt lõi của phương pháp luận sử học được đặt ra: lịch sử khách quan và lịch sử của chủ thể hoá.

Không tán thành luận điểm của trường phái “sử học khách quan” đòi hỏi gạt bỏ mọi ảnh hưởng của lý luận và hình thái ý thức đối với nhà sử học, nhưng giới sử học mác-xít vẫn hiểu rằng: người nghiên cứu có thể và cần phải gạt bỏ trong ý thức chủ thể của mình những ảnh hưởng của lý luận và hình thái ý thức chủ quan, giáo điều, ngăn trở sự nhận thức lịch sử một cách khách quan; đồng thời phải biết tiếp thu và vận dụng những lý luận tiên tiến, khoa học, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. 30 năm trước đây, trong bài viết mang tính tổng kết *Về những vấn đề phương pháp luận trong công tác sử học của chúng ta mấy chục năm qua*, tác giả Phạm Xuân Nam đã chỉ ra “ba thiếu sót chủ yếu”; đó là bệnh sơ lược giản đơn, chủ nghĩa minh hoạ và khuynh hướng hiện đại hoá lịch sử [5: 252, 254]. Thực chất, đó là ba căn bệnh không dễ gì khắc phục của sử học Việt Nam nếu như không có sự đổi mới tư duy phương pháp luận.

Nhìn sang diễn biến của sử học phương Tây trong thế kỷ XX, chúng ta dễ thấy được sự chuyển mình nhanh chóng của các khuynh hướng sử học liên quan đến vấn đề nhận thức lịch sử và chức năng của sử học. Từ thập niên thứ hai của thế kỷ XX, khuynh hướng “sử học mới” xuất hiện với những đặc trưng khác với sử học truyền thống; mà “đặc trưng chủ yếu về mặt nội dung là chống lại lịch sử chính trị hạn hẹp truyền thống chỉ hạn chế trong phạm vi của quốc gia dân tộc, chủ trương mở rộng đến mức tối đa phạm vi nghiên cứu sử học” [3: 137, 148]. Đồng thời, “sử học mới” cũng đưa ra những quan điểm mới về phương pháp luận và nhận thức luận, có thể khái quát như sau:

- “Sử học mới” đòi hỏi phải tham khảo lý luận, phương pháp và khái niệm của các khoa học

xã hội và nhân văn khác, sử dụng phương pháp nghiên cứu xuyên khoa học.

- “Sử học mới” chống lại chủ nghĩa chủ quan đầu trí của sử học truyền thống, công khai thừa nhận nhà sử học trong thực tiễn nghiên cứu không thể nào đứng tách riêng hoàn toàn hoặc trung lập, mà nhất định phải chịu ảnh hưởng của một số nhân tố chủ quan đã được kiến giải.

- “Sử học mới” cũng chống lại chủ nghĩa khách quan ngây thơ cứng nhắc của sử học truyền thống, thừa nhận và coi trọng nhân tố chủ quan của chủ thể nghiên cứu.

Những thay đổi trên đây cho thấy trên cơ sở phê phán sử học truyền thống, “sử học mới” hầu như đã đổi mới hoàn toàn diện mạo của sử học, đưa sử học ở phương Tây lên một trình độ mới: nâng cao tính chính xác của giải thích sử học và làm cho nghiên cứu sử học được sâu sắc hoá [3: 149].

Đến thập niên 70 của thế kỷ XX, một lần nữa sử học phương Tây lại làm cuộc chuyển mình để hình thành khuynh hướng “sử học cách tân” (The new new history), hoặc cũng có người gọi là “sử học cũ được đổi mới” (A new old history). Nếu như nội dung nghiên cứu chủ yếu của “sử học mới” trước đó là tiến trình cơ cấu và diễn biến của xã hội, thì “sử học cách tân” chuyển trọng điểm nghiên cứu vào bản thân con người, nghiên cứu tư tưởng, trạng thái tâm lý, cảm thụ và tình trạng cuộc sống một quần thể nhỏ hoặc cá nhân trong môi trường nhất định, qua đó đúc kết đặc điểm văn hoá của thời đã qua. Nói cách khác, nếu “sử học mới” nghiêng về lịch sử kinh tế và lịch sử xã hội, thì “sử học cách tân” đặt trọng tâm nghiên cứu vào trạng thái chủ quan của chính những con người sống trong một môi trường nhất định, tức là lịch sử tư tưởng (trạng thái tâm lý) – văn hoá [3: 153, 154]. Sự thay đổi này bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thờ ơ đối với các vấn đề chính trị - xã hội của trí thức phương Tây, chuyển sang quan tâm các vấn đề

mang tính chất cá nhân như trạng thái tâm lý, tình cảm, quan niệm giá trị của con người.

Về phương pháp nghiên cứu, “sử học cách tân” từ bỏ việc phân tích theo số lượng, cũng không dựa vào mô hình lý luận của kinh tế học và xã hội học; chỉ dùng phương pháp lý giải trực quan để xử lý tư liệu, qua đó nắm chắc bản chất đối tượng nghiên cứu và dùng hình thức thuật lại để thể hiện. Mặt khác, không giống như “sử học mới” dựa vào các phương pháp nghiên cứu của kinh tế học, xã hội học, nhân khẩu học, địa lý học..., “sử học cách tân” chủ yếu gắn với tâm lý học và nhân loại học.

Đánh giá về đóng góp của “sử học cách tân”, có tác giả cho rằng: “Là hình thái mới nhất của sử học phương Tây hiện đại, (...) xét về nội dung và phương pháp, “sử học cách tân” đã có một số sửa chữa và tác dụng cân bằng đối với tính phiến diện của “sử học mới”, đây rõ ràng là có ý nghĩa tích cực” [3: 153, 154].

Thiết nghĩ, với tầm nhìn của thời hội nhập, việc nghiên cứu để tiếp thu có chọn lọc những thành tựu lý luận của sử học nhân loại – trong đó có vấn đề nhận thức lịch sử và xác định chức năng của sử học mà các khuynh hướng “sử học mới” và “sử học cách tân” ở phương Tây đã làm trong thế kỷ XX – là điều cần thiết và bổ ích cho sử học Việt Nam.

2. Vấn đề đối tượng và phạm vi nghiên cứu của sử học

Từ năm 1966, Hội nghị phương pháp luận sử học lần thứ nhất của giới sử học Việt Nam đã đi đến nhất trí chung về nhận thức đối tượng của sử học mà xét là “quá trình phát triển thực tế của xã hội loài người cũng như của từng nước, từng dân tộc trong toàn bộ tính thống nhất, tính phức tạp, tính muôn màu muôn vẻ của nó; nói khác đi là sự chuyển biến cụ thể của các phương thức sản xuất trong lịch sử thế giới, lịch sử từng dân tộc; là sự biểu hiện cụ thể, phong phú cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử; là sự thể hiện một cách sinh

động vai trò sáng tạo, quyết định của quần chúng nhân dân lao động đối với lịch sử” [10: 82]. Đến nay, các giáo trình phương pháp luận sử học Việt Nam đều trình bày nhận thức về đối tượng sử học theo đúng định nghĩa này. Liệu có cần bổ sung, đổi mới gì chăng?

Quay lại các khuynh hướng “sử học mới” và “sử học cách tân” ở phương Tây, có thể thấy nhiều điểm đáng chú ý về đối tượng và phạm vi nghiên cứu của sử học.

Theo Luo Feng Ly, trong nửa đầu thế kỷ XX “sử học mới” đã mở rộng đối tượng và phạm vi nghiên cứu của sử học trên các phương diện:

- Một là, phá vỡ giới hạn của lịch sử chính trị truyền thống, phạm vi nghiên cứu được mở rộng sang các mặt khác như kinh tế, xã hội v.v...

- Hai là, thoát ra khỏi sự trói buộc của quan niệm lịch sử tinh anh, chuyển tiêu điểm sang người bình dân, coi trọng nghiên cứu sự từng trải lịch sử của nhân dân thuộc các giai cấp, tầng lớp trong xã hội.

- Ba là, vượt giới hạn lịch sử quốc gia dân tộc truyền thống, mở rộng tầm nhìn không gian, tiến hành khảo sát lịch sử xuyên quốc gia về các loại hình văn hoá khác nhau của nhân loại.

- Bốn là, do mở rộng nguồn sử liệu (ngoài hồ sơ lưu trữ lịch sử truyền thống) cùng với việc dùng bộ óc điện tử và phương pháp định lượng để mở ra ứng dụng mới đối với một số tư liệu lưu trữ truyền thống, nên “sử học mới” đã mở rộng phạm vi nghiên cứu trên nhiều mặt phong phú của lịch sử nhân loại, chứ không bó hẹp đơn giản như sử học truyền thống trước đây [3: 148, 149].

Đến những thập niên cuối của thế kỷ XX, cùng với khuynh hướng “sử học cách tân” đã xuất hiện hình thái “lịch sử vi mô” (hay “lịch sử đời sống hàng ngày”). Khác với “sử học mới” quan tâm đến “lịch sử vĩ mô”, “sử học cách tân” lấy những con người bình thường mà trước kia không có vai trò gì trong các tác phẩm sử học làm đối tượng nghiên cứu của mình. Nói cách

khác, “sử học cách tân” chủ yếu miêu tả các quần thể và cá nhân thuộc tầng lớp dưới, chứ không phải là tầng lớp trên trong xã hội. Đã có sự gặp nhau chẳng, giữa đối tượng của “sử học cách tân” với quan điểm của nhà thơ Xô-viết E. Eptusenkô: “Chẳng có ai tẻ nhạt ở trên đời - Mỗi số phận chứa một phần lịch sử - Mỗi số phận rất riêng, dù rất nhỏ - Chắc hành tinh nào đã sáng nổi đâu”?

Bên cạnh đó, việc chú trọng nghiên cứu lịch sử trạng thái tâm lý - văn hoá của con người mà “sử học cách tân” thực hiện là vấn đề có ý nghĩa lý luận quan trọng, bởi điều này làm cho nhà sử học thấy được “truyền thống văn hoá – bất kể là có chữ viết hay không có chữ viết – để lại dấu ấn tâm linh cho con người rất sâu sắc và lâu dài, nó có thể không bị thay đổi ngay lập tức cùng với sự thay đổi của mối quan hệ kinh tế”. Do vậy, cùng với việc quan tâm nghiên cứu về đời sống kinh tế - xã hội nói chung, rất cần phải quan tâm đầy đủ hơn, sâu sắc hơn trạng thái tâm lý truyền thống của con người (con người hiểu theo nghĩa là quần thể nhỏ hoặc cá nhân); bởi hai mặt đó đều là tồn tại xã hội, ảnh hưởng đến tư tưởng và hành động của con người – chủ nhân của lịch sử.

Đối với sử học Việt Nam, có lẽ đây chính là mạch ngầm cần được khơi dậy mạnh mẽ trước tình hình đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế như tinh thần khuyến cáo của Nghị viện Châu Âu: “Lịch sử là một trong những phương tiện để thấy lại quá khứ và **xác lập một bản sắc văn hoá dân tộc**. Nó cũng là một cánh cửa mở ra kinh nghiệm và sự phong phú của quá khứ và của nhiều nền văn hoá khác”. Hơn thế nữa, chú ý đến đối tượng nghiên cứu này, sử học còn làm tốt hơn chức năng xã hội của mình như ý kiến của tác giả người Pháp J. Candau trong tác phẩm *Mémoire et Identité* (Paris, 1996): “Truyền lại một ký ức và làm sống lại một bản sắc không phải chỉ là để lại một di sản, mà còn là vạch ra một cách sống” (khuyến nghị của Nghị viện châu Âu, số 1283, năm 1996 [8]).

3. Vấn đề sử liệu trong nghiên cứu lịch sử

Không cần phải bàn thêm về vai trò và tầm quan trọng của sử liệu đối với việc nghiên cứu lịch sử, điều bài viết muốn đề cập ở đây chính là những bất cập trong công tác sử liệu của chúng ta, gây ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức và phương pháp nghiên cứu sử học. Những nhà nghiên cứu có uy tín về lý luận sử học, về sử liệu học Việt Nam đã không ít lần cảnh báo thực trạng này. Bên cạnh tình hình thiếu thốn sử liệu trực tiếp, Giáo sư Hà Văn Tấn nhìn nhận: “Hiện nay, nhiều công trình sử học của chúng ta đã sử dụng những nguồn sử liệu gián tiếp một cách thiếu thận trọng (...), dễ dẫn đến tình trạng là cùng một sự kiện, có thể được trình bày rất khác nhau. Tình hình thường xảy ra là nếu người thông tin (qua lời kể, sử liệu gián tiếp – L.H.P.) là người hiện có uy lực chi phối ở địa phương thì lịch sử sẽ được viết theo cách nhìn nhận của người đó. Đối với các thời kỳ xa xưa, sự sai lầm càng dễ xảy ra vì sử liệu càng hiếm hơn, khó kiểm tra hơn... Trong nhiều công trình sử học hiện nay, cái mới chỉ là giả thuyết với cái đã là sự thật thường bị làm lẫn lộn” [2: 13]. Cùng nhận định, Giáo sư Phan Đại Doãn chỉ rõ: “Do những hạn chế về phương pháp sử dụng các nguồn sử liệu, nên gần đây đã xuất hiện một số tác phẩm không đáp ứng được nhu cầu nhận thức lịch sử của đông đảo bạn đọc, do đó cũng không có khả năng đóng góp gì nhiều cho sự phát triển của khoa học lịch sử nước nhà. Đó là chưa kể rằng do những sai lầm về phương pháp nghiên cứu những nguồn sử liệu, do sự nhầm lẫn trong cách phân loại, đánh giá những sử liệu thu thập được trong quá trình điều tra thực tế, có những tác phẩm đã đưa ra cho người đọc một số kiến thức thiếu chân thực” [7: 31, 37]. Phải chăng đây là một trong những vấn đề đáng quan tâm cấp bách trong tiến trình đổi mới phương pháp luận sử học Việt Nam?

30 năm trước, Giáo sư Văn Tạo - Viện trưởng Viện Sử học Việt Nam lúc bấy giờ - từng khẳng định: “Thật không thể trở thành một nền sử học tiến bộ, nếu công tác sử liệu không được coi trọng

và xử lý thích đáng” [9: 24]. Tuy nhiên, cho đến nay, kết quả đạt được trong lĩnh vực này vẫn chưa thấy khả quan. Xin tiếp tục trích ý kiến của Giáo sư Phan Đại Doãn: “Trong khi ở nhiều nước trên thế giới sự phát triển của khoa học lịch sử đang được bổ sung một cách tích cực và nhanh chóng bởi hàng loạt các tác phẩm về sử liệu học và lịch sử sử học, thì ở nước ta sự phát triển của hai bộ môn này còn rất chậm, thậm chí có thể nói là không tương xứng với sự phát triển của sử học nói chung. Riêng về sử liệu học với tư cách là một ngành khoa học có đối tượng riêng nhằm nghiên cứu chính bản thân các nguồn sử liệu, các phương pháp phân tích, xem xét chúng trong quá trình nghiên cứu lịch sử, đến nay, thực tế ở nước ta chưa có” [7: 31, 37]. Chúng ta chưa có được những công trình sử liệu học mang tính hoàn chỉnh, hệ thống, cung cấp nguồn nguyên liệu đáng tin cậy cho nhà nghiên cứu (đây là việc rất cần làm, dầu biết rằng không thể một sớm một chiều). Mặt khác, thực tế đào tạo ngành lịch sử ở bậc đại học cũng cho thấy việc trang bị cơ sở phương pháp luận và các phương pháp phân tích, phê phán, đánh giá các nguồn sử liệu, hướng dẫn cách thức sử dụng từng loại sử liệu cụ thể trong quá trình nghiên cứu lịch sử... dường như chưa được chú ý đúng mức. Hệ quả là sự xuất hiện những khoảng trống, và nguy hiểm hơn là những hiểu biết lệch lạc khi tiếp cận và xử lý nguồn sử liệu phục vụ nghiên cứu – điều thường thấy trong không ít sinh viên, thậm chí học viên sau đại học ngành lịch sử.

Hiển kế giải quyết vấn đề này trên bình diện vĩ mô, Giáo sư Phan Đại Doãn cho rằng: “Đã đến lúc cần đặt vấn đề nghiên cứu sử liệu học cho lịch sử đất nước một cách toàn diện và sâu sắc hơn trên hai phương diện: lý luận và thực tế”. Ông cũng đề nghị sử dụng phương pháp hệ thống vào việc nghiên cứu các nguồn sử liệu của lịch sử Việt Nam bởi “phương pháp này mở ra khả năng nghiên cứu nhiều nguồn sử liệu khác nhau một cách tổng quan nhất, cho phép phát hiện bản chất

của chúng và do đó giúp cho các nhà nghiên cứu tránh được nhiều kết luận phiến diện. Nó đặc biệt có ý nghĩa khi chúng ta nghiên cứu các nguồn sử liệu đám đông (được hiểu là những nguồn sử liệu có nhiều lớp và có sự liên hệ chặt chẽ giữa các lớp với nhau do đặc điểm hình thành của chúng; ví dụ như: tài liệu thống kê, tài liệu văn thư hành chính, v.v...) [6: 68, 77].

Hoàn toàn tán đồng ý kiến của tác giả, chúng tôi chỉ muốn lưu ý thêm một vài quan điểm của trường phái “sử học thực chứng” (với hai đại diện tiêu biểu là Ch. Langlois và Ch. Seignobos) liên quan đến công tác sử liệu. Khi cho rằng “Lịch sử được tạo ra bởi các tài liệu”, hai nhà sử học thực chứng người Pháp này đòi hỏi người nghiên cứu phải bám sát sự kiện, coi sự kiện là những chứng cứ quan trọng duy nhất, giống như những chứng cứ quan sát được trong khoa học tự nhiên. Mặc dù không phủ nhận một số mặt trái của “sử học thực chứng” (như nhiều nhà lý luận đã phân tích: ít chú ý đến tính thẩm mỹ, thậm chí không coi trọng tính giáo dục và tính thực tiễn của sử học...), nhưng rõ ràng các yêu cầu nghiêm ngặt của “sử học thực chứng” đã có đóng góp đáng ghi nhận về sử liệu và phương pháp nghiên cứu lịch sử ở khía cạnh: chỉ công nhận sự kiện lịch sử tồn tại độc lập, khách quan với nhà sử học; không công nhận loại sự kiện do nhà sử học cấu tạo nên. Làm được điều này, nền sử học của chúng ta sẽ không còn vẩn nạn “cái mới chỉ là giả thuyết với cái đã là sự thật thường bị làm lẫn lộn”, hoặc “có những tác phẩm đưa ra cho người đọc một số kiến thức thiếu chân thực”... như đã nêu.

Để kết thúc bài viết, chúng tôi muốn nhắc lại quan điểm của nhà triết học, nhà khoa học thực nghiệm người Anh F. Bacon (1561 – 1626). Cùng với việc khẳng định sử học cần coi trọng tính chính xác của nguồn tư liệu gốc, F. Bacon đã chỉ ra bốn nhân tố chủ yếu gây cản ngại, làm cho người nghiên cứu lịch sử không thể tái hiện quá khứ một cách khách quan, chân thực; đó là: (1) chỉ xây dựng sự kiện qua lời kể, (2) thụ động tuân

theo các học thuyết, (3) có định kiến cá nhân, (4) tin vào huyền thoại.

Có thể đồng ý hoặc chưa đồng ý với luận điểm của Bacon, nhưng những ý tưởng trên đây rất đáng để suy gẫm trong nỗ lực đổi mới lý luận

sử học Việt Nam theo tinh thần “tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận” mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã khẳng định.

VIETNAM HISTORY WITH RENEWAL TIME APPROACHES

Le Huu Phuoc

*University of Social Sciences and Humanities –
Vietnam National University - Ho Chi Minh City*

ABSTRACT

The article reviews some methodological issues in which Vietnamese historians have taken recently; besides, the author introduces some remarkable viewpoints and ideas from Russian, German, Chinese writers regarding the theory of history by providing necessary information and scientific, dialectical, multidimensional approaches to the study and teaching of history at university.

Key words: *modern history, methodologies, historical concepts*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Elisseeva, N.V., ‘*Những vấn đề phương pháp luận sử học trên trang “Bút ký sử học” mới*’. In *trong Sử học - những tiếp cận thời mở cửa*, Nghiêm Văn Thái và nh.ng. khác (chủ biên), Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1998, tr. 8-9.
- [2] Hà Văn Tấn, ‘*Lịch sử, sự thật và sử học*’. In *trong Đến với lịch sử văn hoá Việt Nam*, NXB Hội Nhà văn, 2005, tr. 12 - 15.
- [3] Luo Feng Ly, ‘*Diễn biến của sử học phương Tây trong thế kỷ XX*’. In *trong Sử học - những tiếp cận thời mở cửa*, Nghiêm Văn Thái và nh.ng. khác (chủ biên), Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 1998, tr. 137 - 148.
- [4] Nghiêm Văn Thái và nh.ng. khác (chủ biên), *Sử học - những tiếp cận thời mở cửa*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia), 1998.
- [5] Phạm Xuân Nam, ‘*Về những vấn đề phương pháp luận trong công tác sử học của chúng ta mấy chục năm qua*’. In *trong Sử học Việt Nam trên đường phát triển*, NXB Khoa học xã hội, 1981, tr. 252-254.
- [6] Phan Đại Doãn, ‘*Phương pháp hệ thống và việc nghiên cứu các nguồn sử liệu của lịch sử Việt Nam*’, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (1986), tr.68 - 77.
- [7] Phan Đại Doãn, ‘*Mấy vấn đề về sử liệu học lịch sử Việt Nam*’, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5 (1984), tr. 31-37.
- [8] Phan Ngọc Liên, ‘*Về vấn đề bản sắc dân tộc, kỷ ức và ý thức lịch sử*’, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số I, II, 2003.
- [9] Văn Tạo, ‘*Khoa học lịch sử Việt Nam trong mấy chục năm qua*’. In *trong Sử học Việt Nam trên đường phát triển*, NXB Khoa học Xã hội, 1981.
- [10] Viện Sử học, ‘*Mấy vấn đề phương pháp luận sử học*’, NXB Khoa học Xã hội, 1967.